

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/10/2018

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Lượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Điều Thị Hương
2. Ông: Lê Đình Hiệu

- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên

tòa: bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Phương Đ - sinh năm: 1988 (*có mặt*)

Địa chỉ: thôn 05, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: chị Trần Thị Thúy N- sinh năm: 1990 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp TT, xã PT, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 19 tháng 5 năm 2018, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn: anh Nguyễn Phương Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thúy N kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 07/11/2013. Từ khi lấy nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng chị bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ hơn một năm nay. Nay tình cảm của vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh Nguyễn Phương Đ làm đơn yêu cầu Tòa án được ly hôn với chị Trần Thị Thúy N.

Về con chung: vợ chồng anh chị có với nhau 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Trí K, sinh ngày 15/5/2017, hiện tại cháu Nguyễn Trần Trí K đang sống chung với chị

Trần Thị Thúy N. Anh Nguyễn Phương Đ đề nghị giao con chung cho chị Trần Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Nguyễn Phương Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Trần Thị Thúy N vắng mặt tại các buổi làm việc và tại Tòa hôm nay. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không có trình bày gì.

Tại biên bản xác minh ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B với ông Trần Vĩnh Kh (là trưởng ấp nơi bị đơn sinh sống) cung cấp: Giữa anh Nguyễn Phương Đ và chị Trần Thị Thúy N không biết có xảy ra mâu thuẫn gì nhưng hai vợ đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Về con chung hiện tại vợ chồng anh Nguyễn Phương Đ và chị Trần Thị Thúy N có một con chung, cháu bé đang được chị Trần Thị Thúy N chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 243 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và giao 01 (một) con chung cho chị Trần Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, HĐXX nhận định

Về pháp luật tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phương Đ thuộc trường hợp “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 01 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư trú và có đăng ký hộ khẩu tại xã Phước Thiện, huyện B. Căn cứ điểm a khoản 01 Điều 33, điểm a, khoản 01 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Chị Trần Thị Thúy N vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, niêm yết văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo quy định của pháp luật, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về pháp luật nội dung:

Anh Nguyễn Phương Đ và chị Trần Thị Thúy N tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2013 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, vợ chồng anh Nguyễn Phương

Đ và chị Trần Thị Thúy N thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, chị Trần Thị Thúy N không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay mà không hàn gắn được. Nên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Phương Đ và chị Trần Thị Thúy N đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Phương Đ.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Trí K, sinh ngày 15/5/2017, hiện tại con chung đang sống cùng với chị Trần Thị Thúy N, anh Nguyễn Phương Đ cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn vì vậy việc tiếp tục giao con chung cho chị Trần Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Trần Thị Thúy N vắng mặt tại phiên tòa nên không có yêu cầu, anh Nguyễn Phương Đ cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn anh Nguyễn Phương Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* anh Nguyễn Phương Đ được ly hôn với chị Trần Thị Thúy N.

2. *Về con chung:* Giao 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Trí K, sinh ngày 15/5/2017 cho chị Trần Thị Thúy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đến khi trưởng thành, tự lao động được. Anh Nguyễn Phương Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Anh Nguyễn Phương Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Phương Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016936 ngày 05/6/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 của luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng